TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN XUYÊN MỘC
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc

Bản án số: 106/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/8/2019.
V/v: " Yêu cầu ly hôn ".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN XUYÊN MỘC – TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn.
Các hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Ngọc Khanh.
Bà Nguyễn Thị Hằng Nga.

Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Lệ Hằng – Thư ký tòa án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện XM tham gia phiên toà: ông Đỗ Đình Luyến – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện XM, xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân – gia đình thụ lý số: 351/2019/TLST – HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2019, về việc: " Yêu cầu ly hôn ". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 98/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày: 01/8/2019, quyết định hoãn phiên toà số: 88/2019/QĐST – HNGĐ ngày: 15/8/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: KTV, sinh năm: 1970 – (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).
HKTT: tổ 4, ấp PB, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Bị đơn: PMĐ, sinh năm: 1973 – (Vắng mặt).
HKTT: tổ 4, ấp PB, xã HH, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 07/6/2019, bản khai, biên bản ghi nhận ý kiến của đương sự trong quá trình tố tụng tại Tòa án, và tại phiên toà. Nguyên đơn chị KTV trình bày: chị V kết hôn với anh Đ vào tháng 10/1995 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Hoà Hiệp, huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, có tổ chức lễ cưới, trước lúc kết hôn có tìm hiểu nhau, gia đình hai bên đều biết và đồng ý. Việc kết hôn của anh chị là hoàn toàn tự nguyện, không có ai mai mối, ép buộc.

Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã hoà giải, dàn xếp với nhau nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, từ cuối năm 2012 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Đến nay xét thấy tình cảm vợ chồng thực sự không còn nên chị V yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: có 02 con chung là: Phạm Trúc V, sinh ngày: 04/10/1996 và Phạm Kiều M, sinh ngày: 05/5/1998. Hiện nay đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung, nợ chung: chị V và anh Đ tự thoả thuận giải quyết với nhau, chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

Anh PMĐ dù đã được toà án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt.

Tại phiên toà hôm nay anh Đ vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ.

Quan điểm của vị đại diện VKS tham gia phiên toà: Việc tuân theo pháp luật của thẩm phán và HĐXX: Thẩm phán và HĐXX đã tuân thủ đúng theo những quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không chấp hành theo sự triệu tập của Toà án dù đã được triệu tập hợp lệ là chưa chấp hành pháp luật, chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về yêu cầu của đương sự: yêu cầu của chị KTV đối với anh PMĐ là có căn cứ, đề nghị HĐXX xem xét quyết định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà. Qua phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên về việc tuân theo pháp luật tố tụng, việc chấp hành pháp luật và yêu cầu của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: chị KTV khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết cho chị V ly hôn với anh PMĐ. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện XM, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Chị V có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ (Bút lục số: 20), anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên áp dụng khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt chị V và anh Đ.

[2] Về nội dung: Hôn nhân giữa chị V và anh Đ là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định (Bút lục số: 01) nên là hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng theo chị V trình bày là do bất đồng quan điểm sống nên thường cãi lộn, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù hai bên đã hoà giải, dàn xếp với nhau nhiều lần nhưng không được. Vì vậy, từ cuối năm 2012 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân nhau, hai bên không còn quan hệ gì với nhau nữa cả về tình cảm lẫn kinh tế.

Điều này cũng phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương (Bút lục số: 38). Điều đó chứng tỏ: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh Đ đã trầm trọng, không thể hoà giải được nữa. Cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc chị V yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ, nên chấp nhận yêu cầu của chị V. Về hôn nhân chị V được ly hôn với anh Đ.

[3] Về con chung: có 02 con chung là: Phạm Trúc V, sinh ngày: 04/10/1996 và Phạm Kiều M, sinh ngày: 05/5/1998. Hiện nay đều đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Do chị V chưa yêu cầu Toà án giải quyết, nên HĐXX không xem xét. Nếu sau này hai bên có tranh chấp về vấn đề này thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác theo quy định.

[5] Về án phí: Do là nguyên đơn nên chị V phải chịu án phí theo quy định.

Nguyên đơn và bị đơn được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 56, 59 Luật hôn nhân và gia đình.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của chị KTV đối với anh PMĐ.

[1] Về hôn nhân: chị KTV được ly hôn với anh PMĐ.

[2] Về con chung: có 02 con chung là: Phạm Trúc V, sinh ngày: 04/10/1996 và Phạm Kiều M, sinh ngày: 05/5/1998. Hiện nay đều đã trưởng thành.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: chị V chưa yêu cầu Toà án giải quyết.

[4] Về án phí: chị V phải nộp 300.000Đ (Ba trăm ngàn) án phí HNGĐST, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000Đ (Ba trăm ngàn) mà chị V đã nộp theo biên lại thu tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số: 0000210 ngày 20/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện XM. Chị V đã nộp đủ án phí.

[5] Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (những người vắng mặt tại phiên toà thời hạn trên được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án) để yêu cầu TAND tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận.
- TAND tỉnh BR – VT.
- VKSND huyện XM.
- Chi cục THADS huyện XM.
- UBND xã Hoà Hiệp.
- Người tham gia tố tụng.
- Lưu.

Hoàng Ngọc Tuấn